

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày 27-12-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST- DS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N - Phó Giám đốc Ngân hàng N “có mặt”.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 9 năm 2021).

- Bị đơn: Ông Châu Văn Đ, sinh năm: 1984 “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để trồng mía, ông Châu Văn Đ có ký hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201700419 ngày 10/03/2017 với Ngân hàng N để vay số

tiền là 70.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/3/2020. Lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 120%/năm/lãi suất vay, trả nợ theo phân kỳ:

- Ngày 09/03/2018 trả gốc 15.000.000 đồng và lãi phát sinh.
- Ngày 09/03/2019 trả gốc 15.000.000 đồng và lãi phát sinh.
- Ngày 09/03/2020 trả gốc 40.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng N đã giải ngân cho ông Đ nhận đủ số tiền là 70.000.000 đồng, theo phụ lục hợp đồng ngày 10/03/2017, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/3/2020. Sau đó ông Đ không trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng, nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/01/2021 là 31.157.777 đồng, tổng cộng là 101.157.777 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/01/2021 cho đến khi ông Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/12/2021 là 105.521.111 đồng (trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 35.521.111 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/12/2021 cho đến khi ông Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là ông Châu Văn Đ đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên ông Đ đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nhưng ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng N.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Châu Văn Đ tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và ông Đ cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/12/2021 là 105.521.111 đồng (trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 35.521.111 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/12/2021 cho đến khi ông Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468,

của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 27/12/2021 là 105.521.111 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 của Ngân hàng N (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn ông Châu Văn Đ (cá nhân không có đăng ký kinh doanh), địa chỉ tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn trong vụ án là ông Châu Văn Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N thì Ngân hàng yêu cầu ông Châu Văn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Ông Đ đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên ông Đ đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng N, nên đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng N không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201700419, ngày 10/03/2017 của Ngân hàng N:

Vào ngày 03/10/2017 Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Châu Văn Đ vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 120%/năm/lãi suất vay, thời hạn trả

nợ cuối cùng là ngày 09/03/2020. Tính đến ngày 27/12/2021 ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi là 105.521.111 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: ông Đ trực tiếp ký tên vào hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201700419, ngày 10/03/2017, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng N đã giải ngân cho ông Đ nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, vì vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: ông Đ thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy ông Đ là bên có lỗi và đã vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/12/2021 là 105.521.111 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/12/2021 cho đến khi ông Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy: ông Đ là bên vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay tài sản, nên Ngân hàng N yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Châu Văn Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.276.055 đồng; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.528.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006957 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Châu Văn Đ có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng N.

Buộc ông Châu Văn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/12/2021 là 35.521.111 đồng, tổng cộng là 105.521.111 đồng (*một trăm lẻ năm triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm mười một đồng*).

Kể từ ngày 28/12/2021 ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Châu Văn Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.276.055 đồng (*năm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*); Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.528.000 đồng (*hai triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0006957 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo